

Số: *19*/QĐ-UBND

Tân Việt, ngày *06* tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã
quý 3 năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN VIỆT

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi một số điều của Luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của Ủy ban nhân dân xã Tân Việt về dự toán ngân sách và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ tình hình thực hiện dự toán thu – chi Ngân sách xã Quý 3 năm 2023; Theo đề nghị của Công chức Kế toán – tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã quý 3 năm 2023 của xã Tân Việt.

(có các mẫu biểu kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, công chức tài chính – kế toán xã tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- TT UBND xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH**



Vũ Xuân Hào



UBND XÃ TÂN VIỆT

Biểu số 113/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2023

Đơn vị: 1000đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	TỔNG SỐ THU	7.675.930	5.772.971,952	75,21
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	152.000	57.425	37,78
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	3.184.000	113.725,432	3,57
3	Thu bổ sung	4.339.930	5.593.586,999	128,88
	- Thu bổ sung cân đối	4.339.930	1.084.982,499	25
	- Thu bổ sung có mục tiêu		4.508.604,5	
4	Thu chuyển nguồn			
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	8.234,521	
II	TỔNG SỐ CHI	7.675.930	5.739.143,375	74,77
1	Chi đầu tư phát triển	3.000.000	4.464.006	148,8
2	Chi thường xuyên	4.565.930	1.275.137,375	27,93
3	Dự phòng	110.000		



UBND XÃ TÂN VIỆT

Biểu số 114/CK TC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2023

Đơn vị: 1000đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3 NĂM 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSN N	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	6.175.930	7.675.930	5.772.971,952	5.772.971,952	93,47	75,21
I	Các khoản thu 100%	152.000	152.000	57.425	57.425	37,77	37,77
	Phí, lệ phí	50.000	50.000	14.151	14.151	28,3	28,3
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	80.000	80.000	39.274	39.274	49,09	49,09
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	10.000	10.000				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân			4.000	4.000		
	Thu khác	12.000	12.000				
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	1.684.000	3.184.000	113.725,432	113.725,432	6,75	3,57
1	Các khoản thu phân chia	151.000	151.000	103.965,43	103.965,43	68,85	68,85
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	45.000	45.000	72.243	72.243	160,5	160,5
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.000	6.000	800	800	26,6	26,6
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	100.000	100.000	30.922,43	30.922,43	30,92	30,92
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.533.000	3.033.000	9.760,002	9.760,002	0,63	0,32
	Thu thuế GTGT	21.000	21.000	6.586,667	6.586,667	31,3	31,3
	Thu thuế TNCN	12.000	12.000	3.173,335	3.173,335	26,4	26,4
	Thu tiền sử dụng đất	1.500.000	3.000.000				
III	Thu viện trợ không hoàn	-	-	-	-		

	lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	-	-		994.453,186		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	-	8.234,521	8.234,521		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.339.930	4.339.930	5.593.586,999	5.593.586,999	128,8	128,8
	- Thu bổ sung cân đối	4.339.930	4.339.930	1.084.982,5	1.084.982,5	25	25
	- Thu bổ sung có mục tiêu	-	-	4.508.604,5	4.508.604,5		

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ 3 NĂM 2023

Đơn vị: 1000 đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM			ƯỚC THỰC HIỆN QUÝ 3			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	Tổng số	XDC B	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	7.675.930	3.000.000	4.675.930	5.739.143,3	4.464.006	1.275.137	74,7	148,8	27,2
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục	1.020.000	1.000.000	20.000	720		720	0,07		3,6
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ				-		-			
3	Chi y tế	20.000		20.000						
4	Chi văn hóa, thông tin	37.500		37.500	466.006	464.006	2.000	1.242		5,3
5	Chi phát thanh, truyền thanh	35.000		35.000						
6	Chi thể dục thể thao	15.000		15.000	4.458		4.458			
7	Chi bảo vệ môi trường	40.000		40.000						
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.040.000	1.000.000	40.000	4.038.891	4.000.000	38.891	388,3		97
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể, QP, ANTT	5.073.893	1.000.000	4.073.893	1.132.450		1.132.450	22,3		27
10	Chi cho công tác xã hội	284.537		284.537	79.518		79.518	27,9		27
11	Chi khác	-			-					
12	Dự phòng ngân sách	110.000		110.000	-			-		-